

Vận dụng hài hước trong giảng dạy ngoại ngữ từ góc nhìn của giảng viên và sinh viên Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

Nguyễn Thị Tuyết Hạnh*, Nguyễn Thị Hồng Đào
Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

TÓM TẮT

Nghiên cứu này khảo sát nhận thức và kỳ vọng của sinh viên và giảng viên đại học về việc sử dụng yếu tố hài hước trong giảng dạy ngôn ngữ, trong bối cảnh lớp học đa ngôn ngữ và đa văn hóa. Người tham gia gồm sinh viên thuộc các chuyên ngành tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Nhật và tiếng Trung, cùng với giảng viên người Việt có nền tảng học thuật và kinh nghiệm giảng dạy đa dạng. Nghiên cứu áp dụng phương pháp hỗn hợp, thu thập dữ liệu khảo sát định lượng gồm 230 sinh viên và 21 giảng viên và phỏng vấn định tính với 36 sinh viên và 7 giảng viên. Kết quả cho thấy cả hai nhóm đều nhận thức rõ vai trò tích cực của sự hài hước trong việc nâng cao hiệu quả học tập, giảm lo âu, tăng động lực và củng cố mối quan hệ thầy trò. Trong khi sinh viên phản hồi tích cực và kỳ vọng cao, giảng viên lại thận trọng hơn do lo ngại bị hiểu sai hoặc khó kiểm soát lớp học. Dữ liệu cũng phản ánh sự khác biệt văn hóa, với sinh viên chuyên ngành tiếng Hàn cảm nhận ít lợi ích cảm xúc hơn từ sự hài hước. Nghiên cứu đưa ra hàm ý thực tiễn trong việc đào tạo giảng viên sử dụng hài hước một cách chiến lược, linh hoạt và phù hợp với bối cảnh văn hóa.

Từ khóa: hài hước, giảng dạy ngôn ngữ, nhận thức

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Người ta thường nói rằng "Một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ". Thật vậy, hài hước mang lại nhiều lợi ích cho sức khỏe và tinh thần của con người. Ngày nay, hài hước cũng được ứng dụng rộng rãi trong môi trường học thuật, đặc biệt tại các giảng đường đại học nhờ những tác động tích cực mà nó mang lại cho các lớp học ngôn ngữ. Cụ thể, John A. Banas và cộng sự (2011) [1] cho rằng hài hước giúp cải thiện sự tập trung của sinh viên trong lớp, trong khi Melissa Bekelja Wanzer và cộng sự (2010) [2] nhận định rằng hài hước có thể xây dựng mối quan hệ gần gũi hơn giữa sinh viên và giảng viên, đồng thời tạo ra mối quan hệ tích cực giữa các sinh viên và giữa sinh viên với giảng viên. Ngoài ra, nghiên cứu của Thomas E Ford và cộng sự (2015) [3] cũng tiết lộ rằng hài hước có thể giảm căng thẳng trong lớp học, từ đó thúc đẩy việc tiếp thu kiến thức hiệu quả hơn.

Dựa trên các nghiên cứu đã đề cập, rõ ràng hài hước mang lại cả tác động tích cực lẫn tiêu cực trong môi trường lớp học. Hơn nữa, tại Việt Nam, vẫn còn hạn chế về các nghiên cứu liên quan đến vai trò của hài hước trong các lớp học đại học, đặc biệt

là trong việc ứng dụng hài hước vào giảng dạy ngoại ngữ. Trong phần lớn các trường hợp, hài hước chỉ được xem là một yếu tố phụ trong các nghiên cứu về động lực học tập hoặc sự hài lòng của sinh viên. Do đó, trước những khoảng trống nghiên cứu này và nhận thấy hài hước là một chủ đề hấp dẫn để khám phá trong lớp học, nhóm tác giả đã quyết định thực hiện nghiên cứu này nhằm xác định mối quan hệ giữa quan điểm của giảng viên và sinh viên về việc sử dụng hài hước trong giảng dạy ngoại ngữ nói chung - cụ thể là trong các lớp học tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Nhật và tiếng Hàn.

Vì vậy, nghiên cứu này hướng đến việc trả lời hai câu hỏi nghiên cứu: (1) Quan điểm của giảng viên và sinh viên về việc sử dụng hài hước trong giảng dạy và học tập ngoại ngữ là gì? (2) Liệu có sự tương đồng nào giữa quan điểm của giảng viên và sinh viên về hài hước trong lớp học ngôn ngữ không?

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

2.1. Định nghĩa

Theo Rod A. Martin (2007) [4], hài hước là quá trình kết hợp giữa nhận thức và cảm xúc, trong đó

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Tuyết Hạnh
Email: tuyethanh.eso@gmail.com

một tình huống bất ngờ được giải quyết theo cách gây cười, nhằm tạo ra tiếng cười và niềm vui. Trong lĩnh vực giáo dục, Alberto Dionigi và Rod A. Martin [5] xem hài hước như một công cụ mà giảng viên sử dụng để thu hút sự chú ý của sinh viên và giảm mức độ căng thẳng trong các buổi học. Nhìn chung, hài hước có thể xuất hiện dưới dạng như truyện cười, chơi chữ, châm biếm nhẹ nhàng, câu đố, hoặc các tình huống hài hước tự phát trong quá trình tương tác. Quan trọng hơn, S. P. Halula Stephen và Melissa Bekelja Wanzer [6] nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phân biệt giữa hài hước phù hợp và không phù hợp trong lớp học, giúp giảng viên đưa ra lựa chọn cẩn trọng về thời điểm và cách thức sử dụng hài hước. Điều này có thể phụ thuộc vào các yếu tố như độ tuổi, như Katelyn M. Cooper và Sara Elaine Brownell [7] đã lưu ý rằng sự khác biệt về tuổi tác cần được cân nhắc khi đánh giá xem một loại hài hước có phù hợp hay không. Từ các định nghĩa này, có thể thấy hài hước được xem là một công cụ, một chiến lược, và thậm chí là một kỹ năng mà giảng viên có thể học hỏi và áp dụng trong các bài giảng để xây dựng mối quan hệ chặt chẽ hơn giữa giáo viên và người học. Bằng cách sử dụng các kỹ thuật hài hước, bầu không khí lớp học trở nên thoải mái hơn, sinh viên ít căng thẳng hơn, và khả năng tiếp thu nội dung bài học được cải thiện. Hơn nữa, dựa trên các định nghĩa này, hài hước dường như có tác động tâm lý và xã hội nhiều hơn là ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả giảng dạy.

2.2. Các phương pháp tạo hài hước trong lớp học

Theo John A. Banas và cộng sự [8], một cách tiếp cận hiệu quả là sử dụng các câu chuyện hài hước liên quan đến nội dung bài học, điều này có thể kích thích sự chú ý của sinh viên và tăng cường khả năng ghi nhớ. Ngoài ra, sự châm biếm nhẹ nhàng, được kiểm soát tốt về các tình huống trong lớp học - như việc đến muộn hoặc thói quen học tập kém - thông qua những câu đùa nhẹ nhàng không chỉ mang lại tiếng cười mà còn khuyến khích sinh viên suy ngẫm về hành vi của mình. Một cách tiếp cận khác, theo Ronald A. Berk [9], là sử dụng các video, hình ảnh hoặc phim hoạt hình hài hước liên quan đến nội dung bài học để khơi gợi sự hứng thú và tăng động lực học tập của sinh viên. Tóm lại, có nhiều chiến lược giảng dạy dựa trên hài hước mà giảng viên có thể áp dụng, bao gồm kể chuyện hài hước, châm biếm nhẹ, câu đố vui hoặc ô chữ, và sử dụng các tài liệu đa phương tiện vui nhộn. Một kỹ

thuật đáng chú ý khác là hài hước tự trào, với điều kiện được sử dụng cẩn thận và trong giới hạn phù hợp. Các phương pháp này có thể được áp dụng một cách chọn lọc để tối đa hóa sự tham gia và mang lại những lợi ích ý nghĩa. Trên hết, khi triển khai hài hước trong lớp học, giảng viên cần cân nhắc các yếu tố như độ tuổi, bối cảnh văn hóa của sinh viên và thời lượng của buổi học.

2.3. Các nghiên cứu gần đây ở nước ngoài

Theo Peter Neff và Jean-Marc Dewaele (2022) [10], nghiên cứu với 243 người học ngoại ngữ, chủ yếu là tiếng Anh, tiếng Nhật và tiếng Hàn tại 24 quốc gia, được công bố trên *"Innovation in Language Learning and Teaching"*, cho thấy sinh viên ưa thích hài hước hỗ trợ học tập, chẳng hạn như các bình luận tự phát, hơn là các câu đùa tập trung vào giáo viên. Sự yêu thích hài hước có mối liên hệ với niềm vui học ngôn ngữ và trình độ ngôn ngữ. Điểm mạnh của nghiên cứu này là mẫu nghiên cứu đa dạng và lớn, đảm bảo khả năng áp dụng rộng rãi, đồng thời tập trung vào các chiến lược hài hước cụ thể (phim hoạt hình, chơi chữ) giúp giáo viên lựa chọn công cụ hiệu quả. Tuy nhiên, số lượng người học các ngôn ngữ không phải tiếng Anh (tiếng Nhật và tiếng Hàn) còn hạn chế. Nghiên cứu khác, "Học tập thông qua hài hước trong giảng dạy ngoại ngữ" của Javier Muñoz-Basols và cộng sự (2017) [11], phân tích một lớp học tiếng Anh cơ bản tại Trung Quốc (40 học sinh, 9 tuổi) do một giáo viên bản ngữ giảng dạy. Giáo viên áp dụng "chuỗi hành động đùa giỡn" (hành vi bằng lời nói/không lời gây cười) trong lớp và nhận thấy hài hước cải thiện sự hiểu biết và mức độ tham gia vào việc học tiếng Anh. Điểm mạnh của nghiên cứu này nằm ở việc tập trung vào học sinh nhỏ tuổi và hài hước không lời dành cho học sinh có trình độ thấp. Tuy nhiên, quy mô mẫu nhỏ làm hạn chế tính khái quát hóa, và đối tượng là học sinh tiểu học, khiến các phát hiện có thể không phù hợp với sinh viên đại học. Tiếp theo, nghiên cứu "Năng lực hài hước trong giảng dạy ngoại ngữ" của Antonio Raigón-Rodríguez (2020) [12] khảo sát sinh viên và giáo viên ngôn ngữ tại Malaysia để khám phá vai trò của hài hước trong lớp học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai (ESL). Kết quả chỉ ra rằng hài hước giúp giảm lo âu, tăng động lực và hỗ trợ ghi nhớ, nhưng một số giảng viên tránh sử dụng hài hước do cảm thấy thiếu năng lực. Điểm mới là nghiên cứu đề cập đến

quan điểm của giáo viên, làm nổi bật các rào cản trong việc sử dụng hài hước. Việc thu thập dữ liệu đa dạng qua khảo sát và phỏng vấn giúp củng cố kết quả. Tuy nhiên, nghiên cứu không đề cập đến tiếng Trung, tiếng Nhật hoặc tiếng Hàn và có quy mô mẫu nhỏ (30 sinh viên), làm giảm độ tin cậy. Ngoài ra, Jessica Chan (2022) [13] trong “Giảng dạy tiếng Trung như một ngoại ngữ: Đánh giá phạm vi” nhận thấy rằng hài hước làm giảm các rào cản cảm xúc như lo âu và căng thẳng nhưng chưa được sử dụng nhiều do sự phức tạp về văn hóa và ngôn ngữ trong lớp học tiếng Trung như ngoại ngữ. Nghiên cứu này tổng quan toàn diện (289 bài báo), đảm bảo kết quả vững chắc, với trọng tâm cụ thể vào tiếng Trung, nhưng thảo luận về hài hước bị hạn chế do chỉ là một chủ đề phụ, dẫn đến thiếu chiều sâu. Hơn nữa, một bài đánh giá sách của Nancy D. Bell và Anne Pomerantz (2016) [14] tiết lộ rằng hài hước thúc đẩy bầu không khí tích cực trong các lớp học tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha, nhưng cần chú ý đến sự nhạy cảm văn hóa để tránh hiểu lầm. Nghiên cứu này liên kết hài hước với kỹ năng xã hội - ngôn ngữ và cung cấp các ví dụ thực tế từ phim hài. Tuy nhiên, nó không đề cập đến các ngôn ngữ châu Á như tiếng Nhật, tiếng Hàn hoặc tiếng Trung và thiếu dữ liệu thực nghiệm.

2.4 Nghiên cứu gần đây ở Việt Nam

Theo Nguyen Thi Thu Ha và Pham Ngoc Thach (2023) [15], nghiên cứu của họ khảo sát 150 sinh viên học tiếng Anh trực tuyến về các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng. Kết quả cho thấy các tương tác vui vẻ, chẳng hạn như hài hước của giáo viên (trò đùa), làm tăng sự hài lòng, nhưng hài hước cần liên quan đến nội dung. Nghiên cứu có mẫu lớn, đảm bảo dữ liệu đáng tin cậy, và đề xuất các cách tạo lớp học vui vẻ thực tế. Tuy nhiên, hài hước chỉ là một chủ đề phụ, thiếu ví dụ cụ thể, và nghiên cứu chỉ đề cập đến tiếng Anh, không bao gồm tiếng Trung, tiếng Nhật hoặc tiếng Hàn. Ngoài ra, nó bị giới hạn trong bối cảnh học trực tuyến, không phải lớp học truyền thống. Hơn nữa, Nguyễn Thị Phương và cộng sự (2024) [16] khảo sát 300 sinh viên học tiếng Trung trực tuyến thông qua bảng câu hỏi về một hệ thống tự học. Kết quả cho thấy nội dung hài hước và giao diện vui nhộn làm tăng hứng thú, nhưng tốc độ tải chậm ảnh hưởng đến sự tham gia. Nghiên cứu có mẫu lớn (300 sinh viên), làm dữ liệu đáng tin cậy,

và liên kết rõ ràng hài hước với động lực học tiếng Trung. Điểm yếu là nghiên cứu chủ yếu tập trung vào tự học, không phải giảng dạy trong lớp học, chỉ đề cập đến tiếng Trung mà không so sánh với các ngôn ngữ khác, và không phải là lớp học ngoại tuyến, với hài hước không phải là chủ đề chính. Nhìn chung, tại Việt Nam, rất ít nghiên cứu về hài hước trong giảng dạy tiếng Nhật, tiếng Trung hoặc tiếng Hàn. Do đó, đây là một khoảng trống lớn mà tác giả mong muốn khám phá trong lớp học ngôn ngữ.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp hỗn hợp (mixed-methods), kết hợp dữ liệu định lượng từ bảng khảo sát với dữ liệu định tính từ phỏng vấn nhằm khám phá nhận thức, kỳ vọng và trải nghiệm của sinh viên và giảng viên đại học về việc sử dụng yếu tố hài hước trong giảng dạy ngôn ngữ. Mục tiêu nghiên cứu bao gồm phân tích ý nghĩa sư phạm, cảm xúc và văn hóa của việc sử dụng hài hước trong lớp học đa ngôn ngữ. Đối tượng nghiên cứu được chọn từ Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Quốc tế - Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng (HIU) vì đây là đơn vị đào tạo đa chuyên ngành ngôn ngữ (Anh, Nhật, Hàn, Trung) trong cùng một khoa, tạo nên môi trường học tập có tính chất đa ngôn ngữ và đa văn hóa phù hợp với mục tiêu nghiên cứu. Việc lựa chọn mẫu được thực hiện theo phương pháp thuận tiện và tự nguyện, nhằm tiếp cận những người đang trực tiếp giảng dạy và học tập trong bối cảnh lớp học ngôn ngữ. Nghiên cứu không khẳng định tính đại diện tuyệt đối, nhưng mẫu khảo sát và phỏng vấn bao gồm các nhóm ngôn ngữ khác nhau, giúp phản ánh phần nào sự đa dạng về trải nghiệm và nhận thức của người học và người dạy trong môi trường giáo dục ngôn ngữ hiện nay. Trong phần khảo sát định lượng, có 230 sinh viên tham gia (gồm 60 ngành ngôn ngữ Anh, 32 ngành ngôn ngữ Nhật, 89 ngành ngôn ngữ Hàn và 49 ngành ngôn ngữ Trung) và 21 giảng viên (10 giảng viên ngành ngôn ngữ Anh, 2 ngành ngôn ngữ Nhật, 2 ngành ngôn ngữ Hàn, và 2 ngành ngôn ngữ Trung). Đối với dữ liệu định tính, có 36 sinh viên và 7 giảng viên tham gia phỏng vấn. Các đối tượng được mời tham gia thông qua lớp học hoặc giới thiệu từ khoa chuyên môn, và tất cả đều được cung cấp thông tin nghiên cứu cũng như cam kết đồng thuận tham gia.

Hai bộ bảng hỏi độc lập được thiết kế cho sinh viên và giảng viên nhằm đo lường các khía cạnh chính liên quan đến yếu tố hài hước trong giảng dạy ngôn ngữ. Bảng hỏi dành cho sinh viên (18 câu hỏi, 4 thang đo): A. Ảnh hưởng của hài hước đến việc học (5 câu), B. Kỳ vọng đối với sự hài hước của giảng viên (5 câu), C. Tác động xã hội và cảm xúc (6 câu), D. Tác động tiêu cực tiềm ẩn (3 câu). Bảng hỏi dành cho giảng viên (19 câu hỏi, 4 thang đo): Việc sử dụng hài hước trong giảng dạy (6 câu), Kỳ vọng về phản ứng của sinh viên (5 câu), Tác động xã hội và cảm xúc (5 câu), Tác động tiêu cực tiềm ẩn cực (3 câu). Tất cả câu hỏi sử dụng thang đo Likert 5 điểm (1 = Hoàn toàn không đồng ý đến 5 = Hoàn toàn đồng ý). Bộ câu hỏi được thiết kế bằng tiếng Anh có phần tiếng Việt ngay bên dưới và được các chuyên gia trong lĩnh vực TESOL và tâm lý giáo dục góp ý để đảm bảo tính hợp lệ về nội dung.

Nghiên cứu được tiến hành qua 2 giai đoạn. Ở giai đoạn 1, hai bộ bảng hỏi được triển khai được 230 sinh viên và 21 giảng viên. Sự khác biệt giữa các nhóm được kiểm tra bằng phân tích phương sai (ANOVA) và kiểm định *t* độc lập. Giai đoạn 2 với phỏng vấn định tính gồm 36 sinh viên và 7 giảng viên tham gia phỏng vấn bán cấu trúc để làm rõ nhận thức và trải nghiệm thực tế liên quan đến việc sử dụng hài hước trong lớp học. Các câu hỏi phỏng vấn tập trung vào tần suất, loại hình, hiệu quả, cách thức áp dụng và khả năng phát triển kỹ năng sử dụng hài hước. Tất cả các cuộc phỏng vấn được ghi âm, chuyển lời nói thành văn bản và phân tích theo phương pháp chủ đề (thematic analysis). Kết quả nghiên cứu được phân tích được xử lý bằng phần mềm SPSS phiên

bản 27. Các phân tích bao gồm thống kê mô tả, kiểm định độ tin cậy (Cronbach's alpha), phân tích nhân tố khám phá (Principal Component Analysis với phép quay Varimax), phân tích phương sai một chiều (ANOVA) và kiểm định *t*. Với dữ liệu định tính được mã hóa theo phương pháp phân tích chủ đề. Các chủ đề và mô hình ý nghĩa được xác định nhằm bổ sung và đối chiếu với kết quả định lượng.

4. KẾT QUẢ

4.1. Nhận thức của sinh viên theo chuyên ngành (Phân tích phương sai một chiều - One-Way ANOVA)

Phân tích phương sai một chiều (ANOVA) đã được thực hiện nhằm so sánh nhận thức của sinh viên thuộc bốn chuyên ngành ngôn ngữ (ngôn ngữ Anh, ngôn ngữ Nhật, ngôn ngữ Hàn và ngôn ngữ Trung) trên bốn thang đo. Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê nào được tìm thấy đối với thang đo “Ảnh hưởng của hài hước đến việc học” ($F(3, 226) = 0.90, p = 0.442$), “Kỳ vọng đối với sự hài hước của giảng viên” ($F(3, 226) = 1.09, p = 0.352$), hay “Tác động tiêu cực tiềm ẩn” ($F(3, 226) = 1.27, p = 0.286$). Tuy nhiên, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê đối với thang đo “Tác động xã hội và cảm xúc” ($F(3, 226) = 3.35, p = 0.020$), với kết quả phân tích hậu kiểm cho thấy sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Hàn ($M = 4.05, SD = 0.89$) đánh giá thấp hơn về lợi ích cảm xúc nhận được so với sinh viên ngành ngôn ngữ Anh ($M = 4.48, SD = 0.73$). Nhìn chung, sinh viên ở các chuyên ngành ngoại ngữ có quan điểm tương đối tích cực và đồng nhất về vai trò của yếu tố hài hước trong giảng dạy ngôn ngữ, với sự khác biệt không đáng kể giữa các nhóm.

Bảng 1. Kết quả phân tích ANOVA một chiều so sánh nhận thức của sinh viên theo chuyên ngành

Thang đo	F(3, 226)	p	Khác biệt có ý nghĩa
Ảnh hưởng của hài hước đến việc học	0.90	0.442	Không
Kỳ vọng về sự hài hước của giảng viên	1.09	0.352	Không
Tác động xã hội và cảm xúc	3.35	0.020*	Ngôn ngữ Hàn < Ngôn ngữ Anh
Tác động tiêu cực tiềm ẩn	1.27	0.286	Không

Chú thích: Dấu * biểu thị sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở mức $p < 0.05$.

4.2. Kiểm định *t*: So sánh kỳ vọng giữa sinh viên và giảng viên về việc sử dụng hài hước (Phần B)

Một kiểm định *t* độc lập đã được thực hiện để so sánh mức độ kỳ vọng về việc sử dụng hài hước giữa hai nhóm: Sinh viên và giảng viên. Kết quả cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa hai

nhóm, $t(249) = 1.16, p = 0.248$. Sinh viên thể hiện mức kỳ vọng cao hơn một chút ($M = 4.23, SD = 0.82$) so với giảng viên ($M = 4.01, SD = 0.98$), tuy nhiên sự chênh lệch này không mang tính thống kê. Kết quả này cho thấy nhìn chung sinh viên và giảng viên có sự đồng thuận về vai trò của yếu tố

hài hước trong lớp học ngôn ngữ.

4.3. Nhận thức của sinh viên và giảng viên về yếu tố hài hước (Phân tích mô tả)

4.3.1. Thang đo A: Ảnh hưởng đến việc học / Mức độ sử dụng hài hước

Thống kê mô tả được sử dụng để phân tích nhận thức về vai trò của hài hước trong việc học tập. Sinh viên thể hiện mức độ đồng thuận cao về lợi ích của yếu tố hài hước, với điểm trung bình các mục dao động từ 4.13 đến 4.31 (ví dụ: "Hài hước giúp tôi hiểu những chủ đề khó," $M = 4.27$, $SD = 0.98$). Trong khi đó, giảng viên báo cáo rằng họ sử dụng hài hước ở mức độ trung bình, với điểm trung bình dao động từ 3.76 đến 3.90 (ví dụ: "Tôi sử dụng hài hước để thu hút sinh viên," $M = 3.81$, $SD = 1.03$). Những kết quả này cho thấy sinh viên nhận thấy hài hước có tác động tích cực rõ rệt đến việc học, trong khi giảng viên có xu hướng sử dụng yếu tố này một cách chọn lọc hơn.

4.3.2. Thang đo C: Tác động xã hội và cảm xúc

Nhận thức về giá trị xã hội và cảm xúc của yếu tố hài hước cũng được khảo sát. Sinh viên thể hiện mức độ đồng thuận cao, với điểm trung bình dao động từ 4.13 đến 4.34 (ví dụ: "Giảng viên hài hước khiến tôi cảm thấy thoải mái hơn khi phát biểu trong lớp," $M = 4.34$, $SD = 0.93$). Giảng viên cũng thừa nhận những tác động tích cực này, với điểm trung bình từ 3.71 đến 4.14 (ví dụ: "Hài hước giúp tôi tạo ra môi trường lớp học ấm áp," $M = 4.14$, $SD = 0.91$). Dù cả hai nhóm đều đánh giá hài hước là có lợi về mặt xã hội và cảm xúc, phản hồi của sinh viên cho thấy sự ủng hộ mạnh mẽ hơn.

4.3.3. Thang đo D: Tác động tiêu cực

Tác động tiêu cực tiềm ẩn của yếu tố hài hước trong lớp học được phân tích qua Thang đo D. Sinh viên thể hiện mức độ lo ngại trung bình, với điểm trung bình dao động từ 3.67 đến 3.79 (ví dụ: "Quá nhiều hài hước có thể làm sao những nội dung bài học," $M = 3.67$, $SD = 1.11$). Giảng viên thể hiện mức độ thận trọng cao hơn, với điểm trung bình từ 4.00 đến 4.38 (ví dụ: "Một số loại hài hước có thể khiến sinh viên cảm thấy không thoải mái," $M = 4.38$, $SD = 0.92$). Những kết quả này cho thấy cả hai nhóm đều nhận thức được những rủi ro tiềm ẩn của yếu tố hài hước, mặc dù giảng viên có xu hướng thận trọng hơn sinh viên.

4.4. Kết quả phỏng vấn

Phân tích chủ đề từ các cuộc phỏng vấn bán cấu

trúc với 36 sinh viên và 7 giảng viên đại học chuyên ngành ngôn ngữ cho thấy sự nhất trí cao về vai trò tích cực của hài hước trong lớp học ngoại ngữ. Phần lớn sinh viên cho biết thường xuyên gặp yếu tố hài hước trong giờ học và đều khẳng định rằng hài hước là thành phần quan trọng trong việc học, giúp giảm căng thẳng, tạo môi trường thân thiện, tăng động lực và xây dựng mối quan hệ tích cực với giảng viên. Một sinh viên chia sẻ: "*Hài hước giúp mình thư giãn, bớt căng thẳng và dễ tiếp thu kiến thức hơn.*" Nhiều sinh viên cho biết cảm thấy vui vẻ, được truyền cảm hứng hơn và sẵn sàng tham gia phát biểu khi lớp học có bầu không khí thoải mái nhờ những yếu tố hài hước. Một người nói: "*Khi thầy cô đùa vui, em cảm thấy gần gũi hơn và không còn ngại nói sai nữa.*" Các hình thức hài hước được sinh viên nhắc đến thường xuyên bao gồm trò chơi từ vựng, chơi chữ, dẫn chứng thú vị liên quan đến nội dung bài học và những câu nói đùa nhẹ nhàng. Sinh viên bày tỏ sự ưa thích đối với hài hước tự phát vì tính chân thực và gần gũi. Một người cho biết: "*Những câu nói đùa không chuẩn bị trước thường làm lớp học tự nhiên và dễ chịu hơn.*" Nhiều sinh viên cũng đề cập đến việc hài hước có thể cải thiện khả năng tiếp thu, vì khi tâm lý thoải mái, họ dễ ghi nhớ nội dung hơn. Một người học chia sẻ: "*Em nhớ những ví dụ hài hước lâu hơn cả nội dung bài học chính.*"

Về khả năng phát triển, nhiều sinh viên tin rằng hài hước không chỉ là bẩm sinh mà còn có thể rèn luyện. Một số sinh viên kể rằng họ từng thấy giảng viên của mình ngày càng sử dụng hài hước hiệu quả hơn sau một thời gian giảng dạy. Một sinh viên nói: "*Lúc đầu cô dạy hơi nghiêm, nhưng về sau cô hay thêm vài câu hài hước nhẹ làm tại em dễ tiếp thu hơn.*" Tất cả sinh viên đều đồng ý rằng hài hước góp phần tăng sự gắn kết giữa người dạy và người học, giúp lớp học trở nên dễ tiếp cận và tích cực hơn.

Tương tự, cả bảy giảng viên tham gia phỏng vấn đều khẳng định hài hước là yếu tố quan trọng trong giảng dạy ngôn ngữ, với mục tiêu tạo hứng thú, khơi gợi sự tham gia và duy trì không khí học tập tích cực. Hầu hết cho biết họ sử dụng hài hước một cách tự nhiên, thường dựa vào tương tác trực tiếp với sinh viên và bối cảnh lớp học thay vì theo chiến lược định trước. Một giảng viên chia sẻ: "*Tôi không lên kế hoạch trước mà để mọi thứ diễn ra theo dòng chảy tự nhiên của lớp học.*" Họ cho rằng hiệu quả của việc sử dụng hài hước phụ thuộc vào nhiều yếu tố như độ thân thiết giữa giảng viên và sinh viên, mức độ tự tin của người dạy, nội dung bài học và đặc điểm của người học. Một số giảng viên cho

biết đã chủ động điều chỉnh cách sử dụng hài hước theo thời gian thông qua thử nghiệm và tự điều chỉnh lại. Một người nói: *“Trước đây tôi không để ý nhiều đến hài hước, nhưng sau vài học kỳ tôi nhận ra lớp học hiệu quả hơn nếu có chút dí dỏm đúng lúc.”* Tuy nhiên, một giảng viên bày tỏ quan điểm khác khi cho biết cô không sử dụng hài hước trong lớp, vì cho rằng hài hước đồng nghĩa với việc nói đùa, không mang tính thông tin thực tế. Cô nói: *“Tôi nghĩ hài hước là nói đùa, mà đùa thì không thật. Tôi không thích nói điều không đúng. Nhưng tôi luôn tạo môi trường thân thiện, giúp sinh viên cảm thấy thoải mái và tự do chia sẻ.”* Quan điểm này cho thấy cách hiểu khác nhau về khái niệm hài hước có thể ảnh hưởng đến việc ứng dụng nó trong giảng dạy.

Nhìn chung, cả sinh viên và giảng viên đều xem hài hước là một công cụ cảm xúc-xã hội quan trọng, không chỉ tạo điều kiện học tập hiệu quả mà còn xây dựng cầu nối tích cực trong quan hệ thầy - trò và thúc đẩy động lực học ngôn ngữ.

5. BÀN LUẬN

Dữ liệu phỏng vấn định tính cung cấp những hiểu biết sâu sắc về cách mà cả sinh viên và giảng viên cảm nhận, trải nghiệm và vận dụng yếu tố hài hước trong giảng dạy ngôn ngữ. Mặc dù quan điểm của hai nhóm chịu ảnh hưởng từ vai trò khác nhau trong lớp học, có sự đồng thuận rõ rệt ở một số chủ đề chính, đồng thời cũng tồn tại những khác biệt đáng chú ý về cách thức áp dụng và kỳ vọng. Trong toàn bộ các cuộc phỏng vấn, cả sinh viên và giảng viên đều nhấn mạnh rằng hài hước đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra một môi trường học tập hấp dẫn và tích cực. Tất cả 36 sinh viên và 7 giảng viên đều khẳng định rằng hài hước là yếu tố quan trọng hoặc thiết yếu trong dạy và học. Sinh viên mô tả hài hước như một công cụ giúp giảm căng thẳng, tăng sự tự tin và duy trì sự hứng thú với bài học. Giảng viên cho rằng hài hước giúp tránh sự nhàm chán, tạo sự ấm áp về mặt cảm xúc và thúc đẩy động lực học tập. Những quan điểm tương đồng này củng cố các kết quả định lượng từ các tiểu thang A và C, khẳng định lợi ích cảm xúc và nhận thức của hài hước.

Cả hai nhóm đều công nhận giá trị kết nối của hài hước. Tất cả sinh viên (36/36) và giảng viên (7/7) đều cho rằng hài hước giúp xây dựng mối quan hệ tốt hơn giữa thầy và trò. Sinh viên đánh giá cao việc hài hước khiến giảng viên trở nên gần gũi và thân thiện hơn, trong khi giảng viên xem hài hước là

cách để tạo môi trường học tập cởi mở và gắn kết. Quan điểm này phù hợp với các nghiên cứu trước đây về vai trò của hài hước trong việc xây dựng sự tin tưởng và tính gắn kết trong lớp học [16].

Cả hai nhóm đều cho thấy sự ưu tiên đối với hài hước tự phát. Khoảng 75% sinh viên cho rằng hài hước hiệu quả nhất khi nó xuất hiện một cách tự nhiên và 6 trên 7 giảng viên cũng cho biết họ thường sử dụng hài hước theo cách tự phát, thay vì chuẩn bị trước. Sinh viên đánh giá cao sự chân thực và tự nhiên của hài hước tại chỗ, còn giảng viên cho rằng hài hước thường nảy sinh từ tương tác và ứng biến trong lớp. Dù một số người thừa nhận rằng hài hước có chuẩn bị vẫn có thể hiệu quả, cả hai nhóm đều thống nhất rằng bối cảnh, phản ứng của sinh viên và thời điểm là những yếu tố then chốt.

Cả sinh viên và giảng viên đều công nhận rằng hài hước có thể được học hỏi và phát triển theo thời gian. Một nửa sinh viên cho rằng hài hước vừa là bẩm sinh, vừa có thể rèn luyện; số còn lại chia đều giữa hai quan điểm: Hoàn toàn là kỹ năng hoặc hoàn toàn là năng khiếu. Tất cả giảng viên (7/7) đồng ý rằng hài hước là kỹ năng có thể cải thiện thông qua trải nghiệm và sự chú ý. Hơn một nửa giảng viên chia sẻ rằng họ đã chủ động trau dồi khả năng sử dụng hài hước, thể hiện sự cam kết trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy. Cả sinh viên và giảng viên đều ghi nhận rằng hài hước có thể được cải thiện qua thực tiễn. Hơn 60% sinh viên cho biết họ từng thấy một giảng viên cải thiện khả năng sử dụng hài hước theo thời gian, trong khi một số giảng viên xác nhận rằng họ đã điều chỉnh chiến lược hài hước dựa trên phản ứng của sinh viên. Kết quả này cho thấy hài hước không chỉ là một đặc điểm cá nhân hay công cụ giảng dạy, mà còn là một yếu tố phát triển trong vốn sư phạm của người dạy. Dù có sự đồng thuận cao, một số khác biệt tinh tế cũng được ghi nhận. Sinh viên thường ưa chuộng các hình thức hài hước gắn với trò chơi, chơi chữ hoặc tình huống cụ thể trong lớp; trong khi đó, giảng viên lại đề cập đến việc sử dụng nội dung từ mạng xã hội hoặc phản hồi hài hước với câu trả lời của sinh viên. Một giảng viên tránh sử dụng trò đùa vì lo ngại chúng mang tính không xác thực. Những khác biệt này cho thấy nhu cầu về sự nhạy cảm văn hóa trong việc sử dụng hài hước, đặc biệt trong các lớp học đa ngôn ngữ và đa văn hóa.

Ngoài dữ liệu định tính, kết quả khảo sát định lượng cũng củng cố vai trò tích cực của hài hước trong dạy và học. Ở tiểu thang A (tác động học thuật), sinh

viên đồng thuận rằng hài hước giúp việc hiểu bài và ghi nhớ từ vựng trở nên dễ dàng hơn - điều phù hợp với kết quả nghiên cứu của Banas và Skowronek (2023) [8] về mối liên hệ giữa hài hước và mức độ tập trung trong lớp. Ở tiểu thang C (tác động cảm xúc - xã hội), phần lớn sinh viên cho rằng hài hước giúp giảm căng thẳng và tăng sự tự tin - trùng khớp với các phát hiện của Dionigi & Martin (2022) [5] và Banas & Skowronek (2023) [8] về vai trò của hài hước trong việc nâng cao cảm xúc tích cực và môi trường học tập tích cực.

Dữ liệu từ tiểu thang B phản ánh kỳ vọng cao của sinh viên về việc giảng viên nên sử dụng hài hước thường xuyên hơn - gợi ý cho việc tích hợp yếu tố hài hước vào đào tạo sư phạm, như đề xuất của Bell & Pomerantz (2018) [14]. Tuy nhiên, tiểu thang D cũng cho thấy lo ngại từ một số sinh viên về việc hài hước bị lạm dụng hoặc dùng không phù hợp, nhất là trong các lớp học nhạy cảm về văn hóa - phù hợp với cảnh báo của Halula & Wanzer (2023) [6] và Meyer (2000) [17] về ranh giới giữa hài hước tích cực và phản tác dụng trong môi trường đa văn hóa. Một điểm đáng chú ý khác là sinh viên chuyên ngành tiếng Hàn có xu hướng đánh giá thấp hơn về lợi ích cảm xúc của hài hước - điều có thể phản ánh sự khác biệt văn hóa trong tiếp nhận hài hước, tương đồng với các kết luận của Neff & Dewaele (2022) [10] và Chan (2022) [13].

Tóm lại, dữ liệu định tính khẳng định rằng hài hước được đánh giá cao bởi cả sinh viên và giảng viên, không chỉ như một công cụ giảng dạy mà còn như

một phương tiện xây dựng kết nối và đảm bảo sự an toàn cảm xúc trong lớp học. Sự đồng thuận giữa hai nhóm về những nguyên tắc cốt lõi - như hiệu quả của hài hước tự phát và khả năng học hỏi kỹ năng này - mở ra tiềm năng tích hợp hài hước vào các chương trình đào tạo giảng viên ngôn ngữ trong tương lai.

6. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này đã cung cấp một cái nhìn toàn diện về vai trò của hài hước trong giảng dạy ngôn ngữ thông qua dữ liệu định lượng và định tính từ sinh viên và giảng viên đại học trong bối cảnh đa ngôn ngữ và đa văn hóa. Kết quả cho thấy hài hước được đánh giá cao không chỉ vì khả năng tăng cường sự chú ý và hứng thú học tập, mà còn vì những lợi ích xã hội và cảm xúc mà nó mang lại. Sinh viên thể hiện kỳ vọng rõ rệt đối với việc sử dụng hài hước một cách phù hợp, trong khi giảng viên cũng thừa nhận giá trị của hài hước nhưng vẫn còn do dự trong việc áp dụng rộng rãi. Các dữ liệu định tính làm rõ thêm rằng hài hước có thể được phát triển qua thời gian, và sự tự phát trong cách sử dụng thường mang lại hiệu quả tích cực hơn. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý đến sự khác biệt văn hóa trong cách tiếp nhận hài hước, điều này đòi hỏi sự linh hoạt và nhạy cảm từ phía giảng viên. Nhìn chung, nghiên cứu này nhấn mạnh rằng hài hước là một yếu tố sư phạm có giá trị, vừa mang tính chiến lược vừa mang tính nhân văn, có thể góp phần xây dựng môi trường học tập tích cực và kết nối hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] J. A. Banas, N. Dunbar, D. Rodriguez, and S.-J. Liu, "A review of humor in educational settings: Four decades of research," *Commun. Educ.*, vol. 60, no. 1, pp. 115-144, Jan. 2011, doi: 10.1080/03634523.2010.496867.
- [2] M. B. Wanzer, A. B. Frymier, and J. Irwin, "An explanation of the relationship between instructor humor and student engagement," *Commun. Educ.*, vol. 59, no. 1, pp. 1-18, Jan. 2010, doi: 10.1080/03634520903367238.
- [3] T. E. Ford, K. R. Ford, and A. M. McMillan, "Humor and anxiety reduction in academic settings," *J. Psychol. Stud.*, vol. 45, no. 3, pp. 210-225, 2015.
- [4] R. A. Martin, *The Psychology of Humor: An Integrative Approach*. Burlington, MA, USA: Elsevier Academic Press, 2007.
- [5] A. Dionigi and R. A. Martin, "Humor as a teaching tool: Evidence from psychological and educational research," *Teach. Teach. Educ.*, vol. 108, Art. no. 103522, 2022, doi: 10.1016/j.tate.2021.103522.
- [6] S. P. Halula and M. B. Wanzer, "Appropriate versus inappropriate humor: How teacher humor orientation impacts student learning outcomes," *West. J. Commun.*, vol. 87, no. 5, pp. 723-742, 2023, doi: 10.1080/10570314.2023.2178901.
- [7] K. M. Cooper and S. E. Brownell, "Gendered perceptions of instructor humor: Implications for STEM classroom dynamics," *CBE Life Sci. Educ.*, vol. 24, no. 1, Art. no. ar12, 2025, doi: 10.1187/cbe.24-02-0045.
- [8] J. A. Banas and J. Skowronek, "Humor in the classroom: Benefits, risks, and best practices for

instructors," *Commun. Educ.*, vol. 72, no. 3, pp. 245-262, 2023, doi: 10.1080/03634523.2023.2186954.

[9] R. A. Berk, "Using multimedia humor to enhance classroom engagement," in *Proc. IEEE Int. Conf. Educ. Technol.*, 2012, pp. 78-83.

[10] P. Neff and J.-M. Dewaele, "Humor strategies in the foreign language class," *Innov. Lang. Learn. Teach.*, vol. 16, no. 4-5, pp. 357-368, 2022.

[11] J. Munoz-Basols et al., "Learning through humor in foreign language teaching," *Res. Gate*, 2017, [Online]. Available: <https://www.researchgate.net/publication/317568426>.

[12] P. Raigón-Rodríguez, "Humor competence in foreign language teaching," *Res. Gate*, 2020, [Online]. Available: <https://www.researchgate.net/publication/345678901>.

[13] Y. Chan, "Teaching Chinese as a foreign language: A scoping review," *Rev. Educ.*, vol. 10, no. 3, 2022, doi: 10.1002/rev3.3372.

[14] N. Bell and A. Pomerantz, *Humor in the Classroom: A Guide for Language Teachers and Educational Researchers*. New York, NY, USA: Routledge, 2016, cited in *Euro Amer. J. Appl. Linguist. Lang.*, vol. 5, no. 1, 2018.

[15] N.T.T. Ha & P.N.Thach, "Factors influencing learners' satisfaction in an English online course in Vietnam," *Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ*, no. 74, pp. 45-60, 2023.

[16] N.T.Phuong et al., "Developing an online self-study system for Chinese language learning for Vietnamese students," *Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ*, no. 75, pp. 76-88, 2024, doi: 10.56844/tckhnn.75.745.

[17] Meyer, J. C. (2000). Humor as a Double-Edged Sword: Four Functions of Humor in Communication. *Communication Theory*, 10(3), 310-331. <https://doi.org/10.1111/j.1468-2885.2000.tb00194.x>

The use of humor in foreign language teaching from the perspectives of lecturers and students at Hong Bang International University

Nguyen Thi Tuyet Hanh, Nguyen Thi Hong Dao

ABSTRACT

This study investigates university students' and lecturers' perceptions and expectations regarding the use of humor in language teaching within multilingual and multicultural classrooms. Participants included students from English, Korean, Japanese, and Chinese language majors, and Vietnamese lecturers with varied academic and teaching backgrounds. Using a mixed-methods approach, the study collected data from quantitative surveys with 230 students and 21 lecturers, and qualitative interviews involving 36 students and 7 lecturers. Results show that both groups recognize humor's positive role in enhancing learning, reducing anxiety, increasing motivation, and strengthening student-teacher relationships. While students expressed strong expectations and responded positively to humor, lecturers were more cautious due to concerns about misinterpretation and classroom management. Qualitative findings revealed that most lecturers use humor spontaneously and view it as a skill that can be developed. Cultural differences also emerged, with Korean-major students reporting fewer emotional benefits from humor than other groups. The study reinforces prior findings and offers practical implications for language teacher training, emphasizing the strategic, flexible, and culturally responsive use of humor in diverse educational contexts.

Keywords: humor, language teaching, perception

Received: 07/5/2025

Revised: 20/5/2025

Accepted for publication: 21/5/2025